

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 987/QĐ-TĐHHN, ngày 26 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo.....	1
2. Chuẩn đầu ra.....	2
2.1. Kiến thức	2
2.2. Kỹ năng.....	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	4
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 TC	4
4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:.....	4
5. Điều kiện tốt nghiệp	5
6. Nội dung chương trình	5
6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	5
6.2. Chương trình đào tạo.....	5
6.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	48
7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	52

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 987 /QĐ-TĐHHN, ngày 26 tháng 03 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội).

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình
 - + Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**
 - + Tiếng Anh: **Land Administration**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản lý đất đai**
- Mã số: **7850103**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - + Tiếng Việt: **Kỹ sư Quản lý đất đai**
 - + Tiếng Anh: **Engineer of Land Administration**

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành quản lý đất đai đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai có kiến thức cơ sở, chuyên môn và kỹ năng thực hành, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quản lý đất đai; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc trong dịch vụ về đất đai; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai đạt được các kiến thức, kỹ năng sau:

a) Kiến thức

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong quản lý, sử dụng đất để phát triển kiến thức mới; có kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý và sử dụng đất.

b) Kỹ năng

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai;

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.

c) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

d) Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng.

- Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và đánh giá được hiện trạng tài nguyên đất đai, số lượng và chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai để quản lý và sử dụng đất hiệu quả, bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, làm nền tảng để tiếp thu tốt kiến thức chuyên ngành.

- Nắm vững và áp dụng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai, bao gồm: Tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; đánh giá đất; định giá đất; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn.

- Vận dụng các kiến thức đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

- Kiến thức Tiếng Anh và Tin học:

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành: Viliis 2.0; Famis; Microstation and Mapping office...

2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy và chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai, trong bộ máy quản lý đất đai của Nhà nước từ Trung ương tới các cấp cơ sở.

- Có khả năng tìm kiếm và sử dụng thông tin trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; Có khả năng lập luận, tư duy, phân tích, khái quát hóa vấn đề và

xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học, hiệu quả.

- Có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai, các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành

- Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

- Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Giao tiếp cộng đồng, truyền đạt thông tin; soạn thảo văn bản, đàm phán, diễn thuyết, ứng xử giao tiếp về lĩnh vực quản lý đất đai; Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.

- Có kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

- Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý đất đai;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 TC

4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

6. Nội dung chương trình

6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133
Trong đó:	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	36
+ Bắt buộc:	(34)
+ Tự chọn:	(02)
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	97
Kiến thức cơ sở ngành	34
+ Bắt buộc:	(28)
+ Tự chọn:	(06)
Kiến thức ngành	51
+ Bắt buộc:	(33)
+ Tự chọn:	(18)
Kiến thức thực tập và đồ án tốt nghiệp	12

6.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			35				
I.1	Lý luận chính			10				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
	<i>trị</i>							
1	Triết học Mác - Lênin	LCML2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin và vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.	3	30	15	90	
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML2102	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay; vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác	2	20	10	60	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			học; vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Vận dụng sáng tạo lí luận và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn; tự giác làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.	2	21	9	60	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS2105	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên chứng minh được sự	2	21	9	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.					
I.2	Khoa học xã hội			6				
<i>I.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>			4				
1	Pháp luật đại cương	LTPL2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			Việt Nam: Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế					
2	Kỹ năng mềm	KTQU2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
I.2.2	Tự chọn			2/6				
1	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	QĐKĐ2201	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được cơ bản về thuật phong thủy; mối liên hệ giữa thuật phong thủy với đất đai và cảnh quan môi trường. Vận dụng phân tích được các vấn đề về đất đai và nhà ở phù hợp với phong thủy, vận dụng trong quy hoạch kiến trúc nhà ở, công trình xây dựng trong công tác định giá đất và kinh doanh bất động sản	2	22	8	60	
2	Xã hội học đại cương	QĐĐC2201	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được hệ thống các khái niệm cơ bản của xã hội học,	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, ý nghĩa ra đời xã hội học, chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của xã hội học. Vận dụng một số kiến thức xã hội học vào phân tích thực tiễn xã hội.					
3	Địa lý kinh tế Việt Nam	KĐHO2202	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được tổ chức lãnh thổ; các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và nhân văn; hiểu nội dung kinh tế các ngành: Nông nghiệp, Công nghiệp, Dịch vụ	2	20	10	60	
1.3	Ngoại ngữ			8				
1	Tiếng Anh 1	NNTA2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp	3	8	37	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.					
2	Tiếng Anh 2	NNTA2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung	3	5	40	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			cấp.					
3	Tiếng Anh 3	NNTA2103	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp	2	5	25	60	
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học			11				
1	Toán cao cấp 1	KĐTO2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và hiểu được kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Tài nguyên và Môi trường hệ đại học và	3	27	18	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trình độ cao hơn. Có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.					
2	Toán cao cấp 2	KĐTO2102	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và hiểu được kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Tài nguyên và Môi trường hệ đại học và trình độ cao hơn. Có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.	2	15	15	60	
3	Tin học đại cương	CTKH2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm	2	19	11	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>ơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Thành thạo các ứng dụng văn phòng, sử dụng internet.</p>					
4	Hóa học đại cương	KĐHO2101	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.</p>	2	16	14	60	
5	Xác suất thống kê	KĐTO2106	<p>Sau khi kết thúc học</p>	2	15	15	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			phần, sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất, các bài toán ước lượng mẫu. Phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.					
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>		Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: * Phần bắt buộc (3TC): Thể dục, điền kinh 1 và điền kinh 2 * Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau Bóng chuyền 1 Bóng chuyền 2; Cầu lông 1 và Cầu lông 2; Bơi lội 1 và Bơi lội 2; Bóng rổ 1 và Bóng rổ 2	5				
I.6	<i>Giáo dục quốc</i>		Bao gồm 3 học	8				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	<i>phòng-an ninh</i>		phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.					
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			97				
<i>II.1</i>	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>			34				
<i>II.1.1</i>	<i>Bắt buộc</i>			28				
1	Trắc địa cơ sở	TBTĐ2351	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được về phân loại các hệ tọa độ trên mặt cầu, hệ tọa độ vuông góc trong trắc địa. Tổng quát được bài toán xác định tọa độ vuông góc phẳng và độ cao; Hệ thống được nội dung các kiến thức về lưới không chế mặt bằng, lưới khống	3	26,5	18,5	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>chế độ cao và phương pháp đo vẽ bản đồ địa hình; Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa; Vận dụng các công thức để đánh giá độ chính xác của kết quả đo; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao;</p> <p>Thiết kế, tính toán được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Thành lập và sử dụng được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.</p>					
2	Đo đạc địa chính	TBTĐ2352	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình	3	37	8	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; Phân biệt được quy trình thành lập bản đồ địa chính; Tổng quát được nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính; Thiết kế được lưới không chế đo vẽ; Vận dụng lý thuyết vào việc thành lập bản đồ địa chính theo các phương pháp khác nhau.					
3	Khoa học đất ^(*)	QĐKĐ2302	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái quát về sự hình thành đất; thành phần và tính chất cơ bản của đất, phân loại đất, độ phì nhiêu của đất. xói mòn đất; ô nhiễm đất. Vận dụng được kiến	3	31	14	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thức khoa học đất xác định được các loại đất, thành phần cơ giới đất đai, so sánh được tính chất vật lý, tính chất hóa học của đất đai					
4	Quản lý tài nguyên môi trường	MTQM2351	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được một số kiến thức về tài nguyên môi trường trong quá trình phát triển của Việt Nam; Những vấn đề chung về quản lý tài nguyên môi trường; luật pháp quản lý và tiêu chuẩn môi trường; các phương pháp quản lý tài nguyên môi trường	2	17	13	60	
5	Hệ thống thông tin địa lý	TBAB2351	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được một số kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lý: Khái niệm về thông tin, hệ thống	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			và hệ thống thông tin; Giới thiệu chung về hệ thống thông tin địa lý; một số khái niệm địa lý cơ bản trong hệ thống thông tin địa lý; cấu trúc dữ liệu và mô hình dữ liệu trong GIS; Mô hình số độ cao; Xây dựng cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin địa lý; phân tích dữ liệu trong GIS					
6	Quản lý nhà nước về đất đai	QĐQN2301	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về bộ máy nhà nước, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; Tóm tắt được các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Vận dụng được các kỹ năng để soạn thảo các văn	2	24	6	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			bản trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.					
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	QĐKĐ2303	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội. Giải thích được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội để giải quyết một số tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.	2	22	8	60	
8	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	QĐKĐ2304	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái quát cơ bản về biến đổi khí hậu, nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi	2	24	6	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			khí hậu, giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Giải thích được tính hai mặt của sử dụng đất và lợi ích sử dụng đất bền vững với biến đổi khí hậu. Vận dụng yêu cầu trong quản lý và sử dụng đất theo hướng bền vững nhằm giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính.					
9	Sử dụng đất và kinh tế đất	QĐKĐ2305	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái quát về tài nguyên đất đai, biến đổi khí hậu, sử dụng đất bền vững, bản chất của địa tô. Giải thích được bản chất của lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô khi tiến hành khai thác đất đai trong các ngành nông	2	21	9	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ngành và phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư.					
10	Bản đồ học	TBAB2352	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về bản đồ; Cơ sở toán học của bản đồ; Hệ thống ký hiệu bản đồ; Tổng quát hóa bản đồ; Biên vẽ và hiệu chỉnh bản đồ; Sử dụng bản đồ địa hình; Bản đồ chuyên đề	2	23	7	60	
11	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	QĐKĐ2306	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông nghiệp bền vững, vấn đề môi trường với sự phát triển của quy hoạch nông nghiệp. Áp dụng để điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích	3	35	10	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			tác động môi trường trong phát triển nông thôn.					
12	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	QĐĐC2302	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được hệ thống các khái niệm và đặc điểm cơ bản về dự án đầu tư; nhiệm vụ và phương hướng lập và quản lý dự án đầu tư; các bước tiến hành, nội dung và trình tự lập và quản lý dự án đầu tư, Vận dụng một số kiến thức lập một dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	2	22	8	60	
II.1.2	<i>Tự chọn</i>			6/12				
1	Hóa học đất	QĐKĐ2407	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức về thành phần vô cơ, hữu cơ đất và quá trình biến đổi của chúng, cơ sở lý thuyết về keo đất,	2	21	9	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			hấp phụ của đất, trao đổi cation. Giải thích thành phần hóa học, quá trình hóa học đất cơ bản, nguồn gốc hình thành độ phì nhiêu của đất và các biện pháp kỹ thuật nâng cao độ phì nhiêu đất. Áp dụng kiến thức hóa học đất phục vụ công tác điều tra đất cơ bản, đánh giá tiềm năng đất đai và quy hoạch sử dụng đất.					
2	Đánh giá đất	QĐKĐ2408	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được cơ bản về đất đai, quy trình xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa sử dụng đất với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất	2	22	8	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			đai. Áp dụng phương pháp, nguyên tắc và quy trình đánh giá đất theo FAO					
3	Quy hoạch đô thị	QĐKĐ2409	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam, quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. Vận dụng xây dựng phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị.	2	18	12	60	
4	Cơ sở viễn thám	TBAB2453	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày những kiến thức cơ bản về Cơ sở toán học trong phương pháp đo ảnh. Các phương	2	22	8	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			pháp thành lập bản đồ từ ảnh hàng không. Khái quát chung về kỹ thuật viễn thám. Sử dụng ảnh viễn thám.					
5	Quy hoạch cảnh quan	QĐKĐ2410	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được quá trình cơ bản trong cảnh quan và bản chất của việc biến đổi cảnh quan. Vận dụng được các nguyên lý và phương pháp lập quy hoạch cảnh quan vùng đô thị và nông thôn, góp phần nâng cao kiến thức về quy hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	2	23	7	60	
6	Đánh giá tác động môi trường	MTQM2452	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			bày được kiến thức về các phương pháp và tiến trình cơ bản nhất của một quá trình đánh giá tác động môi trường. Nội dung cơ bản bao gồm các bước từ tổ chức nhân sự, thu thập thông tin, phân tích số liệu cho đến việc giám sát và báo cáo kết quả.					
II.2	Kiến thức ngành			51				
II.2.1	Bắt buộc			33				
1	Chính sách đất đai	QĐQN2502	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được những tác động của chính sách đất đai đến kinh tế - xã hội, các chính sách đất đai hiện hành tại Việt Nam; Giải thích được các khái niệm có liên quan đến chính sách đất đai; Vận dụng các quy định pháp quy vào	3	30	15	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			giải quyết một số tình huống pháp luật đất đai trong thực tiễn.					
2	Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA2554	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm vững các thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai, giúp sinh viên hiểu biết các thuật ngữ chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu liên quan đến ngành học của mình	3	10	35	90	
3	Thống kê đất đai	QĐQN2503	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được nội dung cơ bản về nguyên lý thống kê, thống kê đất đai; Phân biệt được các chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê, kiểm kê	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			đất đai; Vận dụng lý thuyết tổng hợp, phân tích được một số chỉ tiêu trong thống kê, chỉ tiêu thống kê đất đai và xây dựng được một số biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai.					
4	Giao đất	QĐQN2504	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được quy định chung và khái quát hóa trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Xây dựng được phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	2	20	10	60	
5	Đăng ký đất đai	QĐQN2505	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; Vận dụng kiến thức để giải	3	30	15	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			quyết một số tình huống về cấp giấy chứng nhận; Thiết lập được hồ sơ đăng ký lần đầu và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.					
6	Cơ sở dữ liệu đất đai	QĐĐC2503	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, các dạng mô hình dữ liệu, các dạng chuẩn hoá dữ liệu, các phép đại số quan hệ, sử dụng ngôn ngữ SQL và hệ quản trị SQL Server để thao tác đối với cơ sở dữ liệu nói chung và cơ sở dữ liệu đất đai nói riêng. Xây dựng một cơ sở dữ liệu chuẩn hoá và cách thao tác trên cơ sở dữ liệu đó.	3	33	12	90	
7	Thanh tra đất đai và xây dựng	QĐQN2506	Sau khi kết thúc học phần sinh viên giải	3	33	12	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			thích nội dung cơ bản của pháp luật thanh tra, pháp luật xử phạt vi phạm hành chính, pháp luật khiếu nại, tố cáo, pháp luật về tranh chấp trong quản lý, sử dụng đất, xây dựng nhà ở; Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống pháp luật trong thực tiễn.					
8	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 ^(*)	QĐĐC2504	Sau khi kết thúc học phần sinh viên sử dụng thành thạo các lệnh trong MicroStation và Famis cũng như công cụ TK Desktop. Đọc, xem bản các loại bản đồ chuyên ngành. Xây dựng, biên tập, chuẩn hóa bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và các bản đồ chuyên đề trên nền tảng phần	3	10	35	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			mềm chuyên ngành.					
9	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	QĐĐC2505	Sau khi kết thúc học phần sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm ViLIS trong kê khai đăng ký, biên tập cấp giấy chứng nhận, chỉnh lý biến động đất đai, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính. Tham gia công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai bằng phần mềm ViLIS.	3	28	17	90	
10	Thực tập trắc địa cơ sở	TBTĐ2553	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính; Nêu được trình tự và thao tác đo góc bằng, đo thủy chuẩn	2		30	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			hạng IV và kỹ thuật; Thiết kế lưới không chế địa hình; Đo được góc, cạnh và tính toán; Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Xử lý được số liệu lưới mặt bằng và độ cao.					
11	Thực tập đo đạc địa chính	TBTĐ2554	Sau khi kết thúc học phần sinh viên liệt kê được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính; Phân tích được quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp; Trình	3		45	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			bày và thao tác được các bước đo góc bằng theo phương pháp đo góc đơn giản, đo góc toàn vòng; Thiết kế và xây dựng được lưới khống chế đo vẽ; Trình bày và thao tác được các bước trong phương pháp giao hội điểm; Trình bày thao tác đo vẽ chi tiết và biên tập bản bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số;					
12	Thực tập Đăng ký thống kê đất đai	QĐQN2507	Sau khi kết thúc học phần sinh viên thiết lập được hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận; Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính; Xây dựng các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai.	3		45	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
II.2.1	Tự chọn			18				
	Chuyên sâu về Quản lý đất đai			18				
1	Quy hoạch sử dụng đất (*)	QĐKĐ2615	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được cơ bản về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều tra, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; trình tự, nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng. Vận dụng kiến thức điều tra cơ bản, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất chi tiết và quản lý việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết .	3	33	12	90	
2	Định giá đất	QĐQN2608	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái niệm giá đất, định giá đất, các loại giá đất; Phân tích được các nguyên tắc định giá đất, các	2	17	13	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			yếu tố cơ bản hình thành giá đất, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất; So sánh được các nguyên tắc định giá đất; Vận dụng để xác định giá đất đối với từng thửa đất cụ thể.					
3	Tài chính đất đai	QĐQN2609	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản về tài chính đất; Phân biệt được các khoản thu tài chính từ đất; Vận dụng để xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, một số loại thuế liên quan đến đất đai.	2	18	12	60	
4	Quản lý thị trường bất động sản	QĐQN2610	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản, định giá	2	22	8	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			bất động sản, quản lý thị trường bất động sản; Vận dụng lý thuyết vào việc nghiên cứu thị trường bất động sản.					
5	Dịch vụ công về đất đai	QĐQN2611	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được khái niệm, đặc trưng dịch vụ công, dịch vụ hành chính công, phương thức cung ứng dịch vụ công, dịch vụ công về đất đai; Vận dụng lý thuyết thực hiện các quy trình cung ứng dịch vụ công về đất đai và khai thác thông tin đất đai.	2	22	8	60	
6	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	QĐĐC2627	Sau khi kết thúc học phần sinh viên vận dụng được các kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng về lập và quản lý dự án,	2	10	20	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			đề án; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian trong lĩnh vực quản lý đất đai và những lĩnh vực khác liên quan đến đất đai					
7	Thực tập quy hoạch sử dụng đất	QĐKĐ2612	Sau khi kết thúc học phần sinh viên xây dựng được kế hoạch điều tra cơ bản thu thập những tài liệu số liệu liên quan tại địa phương, tổng hợp số liệu điều tra vào biểu tổng hợp số liệu, xây dựng phương án quy hoạch tại địa bàn thực tập. xây dựng phương án quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch	3		45	40	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ.					
8	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	QĐĐC2606	Sau khi kết thúc học phần sinh viên triển khai được thực hiện xây dựng, chuẩn hóa bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác. Tiến hành thực hiện đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong hệ thống phần mềm VILIS	2		30	60	
	<i>Chuyên sâu về Địa chính</i>			18				
1	Chính sách nhà ở	QĐQN2612	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày những quy định chung của chính sách pháp luật về xây dựng và nhà ở; Phân tích được đối tượng, loại quy hoạch, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL,TH, TT	Tự học	
			xây dựng; Vận dụng lý thuyết để xử lý các tình huống thực tiễn.					
2	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn ^(*)	QĐKĐ2613	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về điểm dân cư nông thôn, các yếu tố tạo thành điểm dân cư nông thôn, đặc điểm dân cư nông thôn ở các vùng miền và xu thế phát triển điểm dân cư nông thôn. Vận dụng để thiết kế quy hoạch được một điểm dân cư cụ thể, quy hoạch chi tiết khu đất ở mới và biện pháp cải tạo điểm dân cư cũ	2	22	8	60	
3	Điều vẽ ảnh	TBAB2654	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được các khái niệm, các chuẩn đoán đọc và điều vẽ ảnh; cơ sở địa	3	30	15	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			lý, cơ sở sinh lý của đoán đọc và điều vẽ ảnh; các phương pháp đoán đọc và điều vẽ ảnh; ghép ảnh, thành lập sơ đồ ảnh.					
4	Trắc địa công trình	TBTC2651	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về đo đạc các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi.	3	33	12	90	
5	Kinh doanh bất động sản	QĐĐC2607	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được hệ thống kiến thức tổng quan về thị trường bất động sản; phân tích cung trong thị trường bất động sản; phân tích cầu trong thị trường bất động sản; giá cả và cân bằng cung cầu trong thị trường bất động sản;	2	21	9	60	
6	Kỹ năng nghề nghiệp trong	QĐĐC2627	Sau khi kết thúc học phần sinh viên vận	2	10	20	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	quản lý đất đai		dụng được kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng về lập và quản lý dự án, đề án; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian trong lĩnh vực quản lý đất đai và những lĩnh vực khác liên quan đến đất đai					
7	Thực tập quy hoạch điểm dân cư nông thôn	QĐKĐ2614	Sau khi kết thúc học phần sinh viên xây dựng được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và lập sơ đồ cơ cấu quy hoạch chi tiết đơn vị ở. Vận dụng thiết kế quy hoạch được một điểm dân cư cụ thể và quy hoạch chi tiết khu đất ở mới và biện pháp quy hoạch cải tạo điểm dân cư cũ.	2		30	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
8	Thực tập điều vẽ ảnh	TBAB2655	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng đoán đọc và điều vẽ ảnh thông qua các phương pháp đoán đọc và điều vẽ ảnh; ghép ảnh, thành lập sơ đồ ảnh.	2		30	60	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp			12				
1	Thực tập tốt nghiệp	QĐQN2713	Sau khi kết thúc học phần sinh viên khái quát được tình hình quản lý, sử dụng đất đai và tình hình thực thi pháp luật đất đai tại địa phương; Vận dụng kiến thức để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương; Viết chuyên đề báo cáo thực tập tốt nghiệp.	6		90	180	
2	Đồ án tốt nghiệp	QĐQN2814	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nhận	6		90	180	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai; Xây dựng, lập kế hoạch thu thập tài liệu, số liệu tại địa phương; Phân tích dữ liệu, so sánh, lập bảng biểu, đánh giá tổng hợp và viết báo cáo đề án tốt nghiệp.					
	<i>Các môn thay thế Đề án tốt nghiệp</i>			6				
1	Chuyên đề quản lý đất đai tổng hợp	QĐQN2817	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng điều tra, thu thập được các tài liệu, số liệu; xử lý số liệu để phân tích và đánh giá được các vấn đề về quy hoạch sử dụng đất; nội dung cơ bản về quản lý và sử dụng đất đai trong nền kinh tế thị trường; thực	6	30	60	180	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			trạng ứng dụng các công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.					
Tổng cộng				132				

Ghi chú: ^(*) Các học phần đề xuất giảng dạy bằng tiếng Anh

6.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương												
1	Triết học Mác - Lênin	LCML2101	3	3									
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML2102	2		2								
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	2		2								
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2			2							
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS2105	2				2						
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2									
7	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2		2								
8	<i>Tự chọn kiến thức đại cương</i>												
	<i>- Phong thủy trong quy hoạch đất đai</i>	QĐKĐ2201	2			2							
9	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3									
10	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3								
11	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2							
12	Toán cao cấp 1	KĐTO2101	3	3									
13	Toán cao cấp 2	KĐTO2102	2		2								
14	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2									
15	Hóa học đại cương	KĐHO2101	2	2									
16	Xác suất thống kê	KĐTO2106	2			2							
17	Giáo dục thể chất		5	1	1	1	1	1					
18	Giáo dục quốc phòng- an ninh		8		8								
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành											
19	Trắc địa cơ sở	TBTĐ2351	3		3							
20	Đo đạc địa chính	TBTĐ2352	3			3						
21	Khoa học đất ^(*)	QĐKĐ2302	3			3						
22	Quản lý tài nguyên môi trường	MTQM2351	2	2								
23	Hệ thống thông tin địa lý	TBAB2351	2				2					
24	Quản lý nhà nước về đất đai	QĐQN2301	2		2							
25	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	QĐKĐ2303	2	2								
26	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	QĐKĐ2304	2				2					
27	Sử dụng đất và kinh tế đất	QĐKĐ2305	2				2					
28	Bản đồ học	TBAB2352	2				2					
29	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	QĐKĐ2306	3				3					
30	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	QĐĐC2302	2					2				
	<i>Tự chọn Cơ sở ngành</i>											
31	- Hóa học đất	QĐKĐ2407	2			2						
32	- Đánh giá đất	QĐKĐ2408	2				2					
33	- Quy hoạch đô thị	QĐKĐ2409	2						2			
II.2	Kiến thức ngành											

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
34	Chính sách đất đai	QĐQN2502	3					3			
35	Tiếng Anh chuyên ngành	NNTA2554	3						3		
36	Thống kê đất đai	QĐQN2503	2						2		
37	Giao đất	QĐQN2504	2						2		
38	Đăng ký đất đai	QĐQN2505	3							3	
39	Cơ sở dữ liệu đất đai	QĐĐC2503	3					3			
40	Thanh tra đất đai và xây dựng	QĐQN2506	3							3	
41	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 (*)	QĐĐC2504	3				3				
42	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	QĐĐC2505	3					3			
43	Thực tập trắc địa cơ sở	TBTĐ2553	2			2					
44	Thực tập đo đạc địa chính	TBTĐ2554	3					3			
45	Thực tập Đăng ký thống kê đất đai	QĐQN2507	3							3	
	<i>Tự chọn Chuyên sâu về Quản lý đất đai</i>										
46	Quy hoạch sử dụng đất(*)	QĐKĐ2615	3					3			
47	Định giá đất	QĐQN2608	2						2		
48	Tài chính đất đai	QĐQN2609	2						2		
49	Quản lý thị trường bất động sản	QĐQN2610	2							2	
50	Dịch vụ công về đất đai	QĐQN2611	2							2	
51	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	QĐĐC2627	2						2		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
52	Thực tập quy hoạch sử dụng đất	QĐKĐ2612	3								3	
53	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	QĐĐC2606	2							2		
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp											
54	Thực tập tốt nghiệp	QĐQN2713	6									6
55	Đồ án tốt nghiệp/Các học phần thay thế		6									6
Tổng cộng (**)		132	133	19	16	18	18	17	17	16	12	

Ghi chú: (**) Không kể GDTC và GDQP-AN

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019